

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 12-6-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng mua bán tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khon Sốc; ông Hồ Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 30/01/2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXX-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 42, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà Phạm Thị N có mượn của bà số tiền 600.000.000 đồng làm nhiều lần cụ thể như sau: ngày 19/12/2022 âm lịch 300.000.000 đồng; ngày 15/01/2023 âm lịch 100.000.000 đồng; ngày 01/12/2022 âm lịch 150.000.000 đồng; ngày 02/01/2023 âm lịch 50.000.000 đồng. Quá trình vay hai bên có làm biên nhận và thỏa thuận lãi 50%/tháng, bà N đã trả được cho bà tiền lãi cụ thể như sau: Số tiền 50.000.000 đồng trả được 5 tháng là 12.500.000 đồng; số tiền 150.000.000 đồng trả

được 6 tháng là 45.000.000 đồng; số tiền 300.000.000 đồng trả được 5 tháng là 75.000.000 đồng; số tiền 100.000.000 đồng trả được 3 tháng là 15.000.000 đồng. Tổng cộng bà N đã trả được cho bà số tiền lãi 147.500.000 đồng từ lúc vay đến nay. Bà D không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi. Ngoài khoản tiền vay bà N còn nợ tiền mua gạo số tiền 54.990.000 đồng. Tổng cộng bà N còn nợ của bà số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền gạo 54.990.000 đồng. Nay bà D yêu cầu bà N trả số tiền vay 600.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ tháng 5/2023 đến thời điểm tòa án xét xử và tiền mua gạo 54.990.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà thừa nhận có nợ của bà D số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền mua gạo 54.990.000 đồng. Khi bà vay số tiền vay 600.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận và thỏa thuận lãi 50%/tháng, bà đã trả được 24 tháng tiền lãi, trong đó: 14 tháng đầu trả mỗi tháng tôi trả 20.000.000 đồng = 280.000.000 đồng; 10 tháng sau trả mỗi tháng 30.000.000 đồng = 300.000.000 đồng. Nay bà D yêu cầu bà trả số tiền vay 600.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật đến thời điểm tòa án xét xử và tiền gạo 54.990.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bà D, nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Đối với khoản tiền lãi bà đã trả cho bà D bà không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi và không tranh chấp khoản tiền lãi, bà không nhớ chính xác thời gian trả là bao nhiêu tháng và bà không có giấy tờ gì chứng minh về khoản tiền lãi đã trả cho bà D.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N trả số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền mua gạo 54.990.000 đồng. Yêu cầu bà N trả tiền lãi đối với khoản tiền vay yêu cầu tính từ tháng 8/2023 đến thời điểm tòa án xét xử. Đối với khoản tiền mua gạo bà D không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà N thừa nhận số nợ của bà D, đồng ý trả tiền vay 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 8/2023 đến thời điểm tòa án xét xử; tiền gạo 54.990.000 đồng. Xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Do quen biết bà D cho bà N vay tiền để làm ăn, tổng cộng 04 lần 600.000.000 đồng, cụ thể ngày 19/12/2022 âm lịch 300.000.000 đồng; ngày 15/01/2023 âm lịch 100.000.000 đồng; ngày 01/12/2022 âm lịch 150.000.000 đồng; ngày 02/01/2023 âm lịch 50.000.000 đồng. Bị đơn bà N thừa nhận có vay tiền của bà D nhiều lần và còn nợ bà D số tiền 600.000.000 đồng, nợ tiền mua gạo 54.990.000 đồng (BL 29). Do đó đủ cơ sở xác định bà D và bà N có giao kết hợp đồng vay mượn tiền và hợp đồng mua bán gạo, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và phát sinh hiệu lực quy định tại Điều 117 BLDS.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền và hợp đồng mua bán gạo, bà N chưa trả tiền vốn vay tổng cộng 600.000.000 đồng và tiền mua bán gạo với số tiền 54.990.000 đồng, nên bà D khởi kiện yêu cầu trả các khoản trên là có cơ sở chấp nhận

Đối với hợp đồng vay mượn tiền, các bên thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên qua hòa giải bà D khai bà N đóng tiền lãi được tổng cộng 147.500.000 đồng nhưng số tiền lãi suất này được tính 5%/tháng (tức 60%/năm), còn bà N khai đóng tiền lãi được 580.000.000 đồng, đã tiến hành đối chất giữa các bên về khoản tiền lãi trình bày mâu thuẫn với nhau. D khai nhận tiền bà N đóng lãi suất thì tự ghi vào sổ của D, riêng bà N khi trả lãi suất cho bà D không có giấy tờ, không nhớ chính xác thời gian cụ thể đóng lãi từ ngày tháng năm nào, không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi đã trả cho bà D. Do đó, cần chấp nhận sự thừa nhận của bà D về việc bà N đóng lãi cho bà D được 147.000.000 đồng. Nhận thấy, lãi suất các bên thỏa thuận 60%/năm (5%/tháng) cao hơn so với quy định tại Điều 468 BLDS (20%/năm = 1.666%/tháng) cần phải điều chỉnh khấu trừ nhưng bà N không yêu cầu Tòa án tính lại phần lãi suất đã trả trước đó cho bà D, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nguyên đơn bà D yêu cầu bà N trả lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền vốn vay 600.000.000 đồng từ tháng 8/2023 đến thời điểm xét xử là tháng 6/2024. Nhận thấy, thời điểm tính lãi từ tháng 8/2023 là có cơ sở.

Do bà D không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán đối với hợp đồng mua bán gạo nên không đặt ra xem xét giải quyết

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Buộc bà Phạm Thị N trả tiền vay cho bà D 600.000.000 đồng và lãi suất từ tháng 8/2023 đến tháng 6/2023 theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Buộc bà Phạm Thị N trả tiền mua gạo cho bà D 54.990.000 đồng.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dân sự. Thời điểm khởi kiện xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên quá trình tố tụng nguyên đơn khai ngoài khoản tiền vay, bị đơn còn nợ tiền mua bán gạo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và do bị đơn bà Phạm Thị N có nơi cư trú tại khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Phạm Thị N thực tế đã xảy ra, thể hiện qua sự thừa nhận của hai bên. Theo đó bà D đã cho bà N mượn số tiền 600.000.000 đồng, có làm biên nhận, quá trình vay hai bên có thỏa thuận lãi suất. Quá trình vay bà N đã trả được tiền lãi là 147.500.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Ngoài ra bà N còn mua gạo còn nợ của bà D với số tiền 54.990.000 đồng. Nay bà D yêu cầu bà N trả số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền mua gạo 54.990.000 đồng, quá trình tố tụng bà N thừa nhận có vay tiền của bà D và còn nợ lại số tiền 600.000.000 đồng và có mua gạo của bà D, còn nợ lại 54.990.000 đồng, bà N đồng ý trả số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền mua gạo 54.990.000 đồng.

Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung tranh chấp giữa bà N và bà D được thể hiện qua sự thừa nhận của hai bên, quá trình vay mượn bà N cũng đã thực hiện được một phần nghĩa vụ là trả lãi theo thỏa thuận cho bà D, nhưng do bà N vi phạm về thời gian thanh toán, không trả nợ đầy đủ cho bà D. Do vậy, bà D khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và tiền mua bán gạo 54.990.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và tiền mua gạo 54.990.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất:

Đối với khoản vay 600.000.000 đồng, tại phiên tòa các bên thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên qua hòa giải bà D khai bà N đóng tiền lãi được

tổng cộng 147.000.000 đồng nhưng số tiền lãi suất này được tính 5%/tháng (tức 60%/năm) và sau mỗi đợt đóng lãi bà D có tự ghi chép vào sổ, còn bà N khai đóng tiền lãi được 580.000.000 đồng, không nhớ chính xác thời gian cụ thể đóng lãi từ ngày tháng năm nào, ngoài lời khai bà N không có giấy tờ tài liệu chứng minh đã đóng khoản lãi trên cho bà D. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà N không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi đã trả cho bà D. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thừa nhận của bà D về việc bà N đóng lãi cho bà D được 147.500.000 đồng trong thời gian bà D cho bà N vay tiền. Nhận thấy, lãi suất các bên thỏa thuận 60%/năm (5%/tháng) cao hơn so với quy định tại Điều 468 BLDS (20%/năm = 1.666%/tháng) cần phải điều chỉnh để khấu trừ cho phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên bà N không yêu cầu Tòa án tính lại phần lãi suất đã trả trước đó cho bà D, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với khoản tiền vay 600.000.000 đồng, ngoài ra khoản tiền vốn gốc bà D yêu cầu bà N trả, bà D còn yêu cầu bà N thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền vay 600.000.000 đồng, thời gian từ tháng 8/2023 cho đến thời điểm xét xử. Nhận thấy quá trình vay số tiền vay 600.000.000 đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất. Do vậy với yêu cầu tính lãi của bà D từ thời điểm tháng 8/2023 đến thời điểm xét xử ngày 12/6/2024 được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, bà D yêu cầu tính lãi suất từ tháng 8/2023 đến thời điểm xét xử là ngày 12/6/2024 bà D đồng ý tính tròn 10 tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi được quy định 20%/năm (tương ứng 1.666%/tháng). Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 600.000.000 đồng x 20%/năm x 10 tháng = 100.000.000 đồng.

Tổng cộng khoản tiền lãi mà bà N phải trả cho bà D là 100.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền mua gạo 54.990.000 đồng, bà D không yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu xin trả dần số tiền mỗi tháng 10.000.000 đồng của bà N, bà D không đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà N. Yêu cầu của bà N sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 219; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với bà Phạm Thị N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”

Buộc Phạm Thị N phải trả cho cho Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 754.990.0000 đồng (bảy trăm năm mươi bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó: Số tiền vốn vay 600.000.000 đồng, tiền mua gạo 54.990.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 34.199.600 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D được nhận lại 15.100.000 đồng (mười lăm triệu một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012193 ngày 04-01-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Đào Nữ Ngọc Lan